TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2017/HSST
Ngµy 30/11/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Hải;

2. Ông Trần Anh Dũng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Thị Vân – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 66/2017/HSST ngày 08/11/2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2017/HSST-QĐ ngày 18 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Xuân T, sinh năm 1960

ĐKHKTT và nơi ở: Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 7/10; Con ông: Phạm Xuân Thi (đã chết), Con bà: Nguyễn Thị Lý, sinh năm 1940 trú tại thôn Đình, xã Cao Thượng, huyện T, tỉnh Bắc Giang, Vợ: Nguyễn Thị Thoa, sinh năm 1958 trú tại Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Con: Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/7/2017 đến ngày 18/7/2017, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Hải Đ, sinh năm 1979. (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn T1, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị S1, sinh năm 1989. (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn B, xã Yhuyện Y1, tỉnh Nam Định.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1967. (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn ĐA, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các cài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 15/7/2017, khi Phạm Xuân T, sinh năm 1960 trú tại Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang đang ở nhà thì có Trần Hải Đ, sinh năm 1979 trú tại thôn T1, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang và đối tượng tự khai là Phương Văn S, sinh năm 1971 trú tại xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đến nhà T chơi (Đ là bạn của T, S là bạn của Đ) thì gặp T và ông Đoàn Công T, sinh năm 1962 (ở cùng địa chỉ với T) đang ngồi chơi uống nước tại phòng khách của nhà T, rồi cả bốn người ngồi chơi uống nước cùng nhau tại phòng khách. Trong khi ngồi uống nước thì Đ có gọi T ra khu vực ngoài sân của gia đình T để nói chuyện, trong khi nói chuyện Đ có nói với T "Ông biết ông gọi cho cháu hai đứa cho hai anh em". Khi Đ nói như vậy thì T hiểu ý Đ muốn T gọi cho Đ 02 gái bán dâm để Đ và S mua dâm tại nhà của T, nên T đồng ý. T và Đ trao đổi và thống nhất Đ trả cho T số tiền 500.000 đồng để Đ và S mua dâm tại nhà T, đồng thời T nhận số tiền 500.000 đồng từ Đ đưa cho. Sau khi nhận tiền thì T ra khu vực cổng nhà mình và nói với Nguyễn Thị S1 (sinh năm 1989 nơi ĐKHKTT thôn B, xã Y, huyện Y1, tỉnh Nam Định) là người đang thuê trọ tại gia đình T "Về nhà có khách" (ý T nói với S1 là về nhà bán dâm cho khách và S1 hiểu là T nói có khách đến mua dâm) thì S1 đồng ý. Do S1 không có chìa khóa phòng trọ của mình thuê nhà T nên T có mở phòng trọ số 3 tính từ ngoài vào thuộc dãy nhà trọ bên ngoài ở phía cổng của gia đình T để S1 và S vào phòng trọ này thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau. Sau đó T sang phòng trọ thứ nhất theo hướng từ ngoài nhìn vào của dãy nhà trọ bên trong gõ cửa phòng trọ và bảo Nguyễn Thị L(sinh năm 1967 nơi ĐKHKTT thôn ĐA, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang) "Có khách" (ý T nói với Llà có khách mua dâm và Lhiểu là T nói có khách đến mua dâm), nên Lmở cửa phòng trọ của mình cho Đ vào trong phòng trọ để Đ và Lthực hiện hành vi mua bán dâm với nhau. Đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày 15/7/2017, khi hai đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau thì bị lực lượng Công an huyện T bắt quả tang. Vật chứng thu giữ bao gồm:

- Số tiền 500.000 đồng thu tại túi áo ngực phía trước của Phạm Xuân T. Đây là tiền Đ đưa cho T để trả cho việc Đ và S mua dâm tại nhà T.

- 01 bao cao su nhãn hiệu "Condom Huaki", vỏ màu trắng, đã xé vỏ bỏ ra sử dụng. Thu giữ tại chiếu phòng 3 dãy nhà trọ của Phạm Xuân T.

Cùng ngày 15/7/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Phạm Xuân T kết quả không thu giữ gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Phạm Xuân Tđã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên, đồng thời T khai nhận đã nhận

của Đ số tiền 500.000 đồng thì T sẽ trả cho gái bán dâm S1 và Lmỗi người 200.000 đồng, còn 100.000 đồng T được hưởng từ việc để các đối tượng mua bán dâm tại khu nhà trọ do T là người quản lý.

Tại Bản cáo trạng số 60/KSĐT ngày 06 tháng 11 năm 2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 điều 254 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thừa nhận có hành vi nhận tiền của người mua dâm và dùng địa điểm tại gia đình mình để cho các đối tượng thực hiện hành vi mua, bán dâm. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Xuân T về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 điều 254 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, khoản 1 điều 254; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung một số điều năm 2009; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 .

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/11/2017. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng, tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Comdom Huaki, 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Về án phí: Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Xuân Thoàn toàn nhất trí với bản luận tội và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát. Hiện mắt của bị cáo kém không tự đi lại được, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người cò quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh, bị cáo Phạm Xuân T đã có hành vi nhận tiền mua dâm của Trần Hải Đ và sử dụng các phòng trọ thuộc sở hữu của mình làm địa điểm để T và S1 bán dâm cho Đ và S. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý và khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo đã phạm tội "Chứa mại dậm", bị cáo cho hai đôi nam nữ mua bán dâm, nhưng bị cáo chỉ nhận tiền của một người và việc mua bán dâm diễn ra trong cùng một khoảng thời gian. Theo quy định tại điểm b mục 4.2 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP, ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Do vậy, bị cáo phải chịu hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, một mặt đã vi phạm đến lĩnh vực an toàn, trật tự công cộng. Mặt khác, từ hành vi này của tội phạm, đã dẫn đến làm xói mòn đạo đức, phẩm chất, nhân cách của con người và là nguyên nhân làm lây lan các loại bệnh và làm phát sinh các loại tội phạm khác trong đời sống, gia đình và xã hội. Do vậy, cần xử lý nghiêm và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. S xét thấy bị cáo phạm tội bột phát, không có tính chất chuyên nghiệp. Mặt khác, bị cáo bị truy tố về tội "Chứa mại dậm", theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999, khung hình phạt từ 01 năm đến 07 năm, còn theo khoản 1 Điều 237 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 thì khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm. Do đó, HĐXX xét thấy cần áp dụng các điều luật có lợi cho bị cáo theo các quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo Phạm Xuân Tthành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo có mẹ được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất các năm 1986, 1999 và được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án; có bố được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

Từ những tình tiết định tội, định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy bị cáo Phạm Xuân Txuất thân từ thành phần nhân dân lao động, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Mặt khác bị cáo hiện đang mắc bệnh về thị lực đi lại khó khăn, nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay cũng đủ điều

kiện để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo và không có thu nhập nên cần miển phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Đối với đối tượng tự khai là Phương Văn S (sinh năm 1971 trú tại xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, lợi dụng sơ hở S đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại xã S, thành phố B nhưng không có đối tượng nào tên S có lý lịch như trên. Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến S ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra, khi nào có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi bán dâm của Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thị Lvà hành vi mua dâm của Trần Hải Đ; ngày 18/10/2017 Trưởng Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền mỗi đối tượng 200.000 đồng đối với S1, Ltheo khoản 1 Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ và phạt tiền 750.000 đồng đối với Đ theo khoản 1 Điều 22 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Về vật chứng:

Đối với số tiền 500.000 đồng thu giữ của Phạm Xuân Tkhi bắt quả tang, đây là tiền T chứa mại dâm mà có. Do đó, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước

Đối với 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condom Huaki, 01 bao cao su đã qua sử dụng, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo thuộc diện hộ Cận nghèo, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Chứa mại dậm”.

Áp dụng khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, đối với bị cáo Phạm Xuân T

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân T 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/11/2017. Giao bị cáo cho UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sư:

Tịch thu tiêu huỷ 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condom Huaki, 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng theo giấy ủy nhiệm chi ngày 08/11/2017

Về án phí, quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án

Nơi nhận:
- VKSND, THADS, Công an huyện;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThÈm ph¸n - chñ to¹ phiªn toµ

Bùi Tư Duy